TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày 30 và 31-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Anh Văn
2. Ông Trương Văn Bình

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Hằng, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 và 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 26/2017/TLST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2017; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Vàng A C - Sinh năm 1979. Nơi sinh: Xã Chiềng Cồng, huyện Mường La, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKHKTT: Bản Khằm 1, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ở hiện nay: Bản Khằm, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Trình độ văn hóa: 3/12; Con ông: Vàng A P, đã chết; Con bà: Mua Thị D, sinh năm 1937, chỗ ở hiện nay: Bản Khằm 1, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Bị cáo có vợ: Phàng Thị M, sinh năm 1980, hiện đang đi chấp hành hình phạt tù; Có 05 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 05 (Năm năm tù) về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" tại bản án số 394/2003/HSST ngày 04/12/2003. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính 2016 và thi hành phần án phí hình sự sơ thẩm ngày 06-10-2004.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22-9-2017 chuyển tạm giam ngày 25-9-2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Ngọc K - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 22-9-2017, Vàng A C một mình điều khiển xe máy, mang BKS 36B2-....98 đi từ nhà ở bản Khằm 1, xã Trung Lý, huyện Mường Lát đến bản Lốc Há, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát để thăm người thân. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Vàng A C điều khiển xe máy quay về, khi đi đến khu vực cầu G9 thuộc bản Kéo Hượn, xã Nhi Sơn thì Vàng A C gặp một người đàn ông dân tộc Mông (Lào) không quen biết và hỏi người này "Có ma túy bán không?", người đó trả lời "Có". Sau đó, Vàng A C đã mua của người này 02 phân hêrôin với số tiền là 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) và 01 viên hồng phiến với số tiền là 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng). Mua xong, Vàng A C lấy ra một ít hêrôin và ma túy tổng hợp sử dụng, số còn lại Vàng A C gói lại bằng một lớp màu xanh, sau đó dấu vào hậu môn của mình, với mục đích trách sự kiểm tra của cơ quan chức năng, rồi lên xe máy đi về nhà.

Khoảng $20^{h}45$ phút cùng ngày, Vàng A C về đến khu vực bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát (Gần cổng UBND xã Trung Lý). Ban Công an xã Trung Lý và Công an huyện Mường Lát yêu cầu Vàng A C dừng xe và đưa về trụ sở UBND xã Trung Lý kiểm tra hành chính. Tại UBND xã Trung Lý, Vàng A C tự lấy trong hậu môn của mình ra toàn bộ số ma túy vừa mua được trước đó giao nộp cho lực lượng công an. Công an huyện Mường Lát tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Tang vật thu giữ gồm: 01 gói nilon màu xanh bên trong có: 01 cục bột dạng nén màu trắng ngà; 01 gói nilon nhỏ màu xanh bên trong chứa chất bột màu trắng ngà và 01 gói nilon nhỏ màu xanh đựng 01 viên ma túy tổng hợp; 01 xe máy HONDA WAVE anpha màu sơn đen-trắng, BKS 36B2-.....98.

Tại bản kết luận giám định số: 2084/MT-PC54 ngày 25-9-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Chất bột dạng nén màu trắng ngà của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có trọng lượng là 0,863g (Không phẩy tám trăm sáu ba gam). Loại: Hêrôin.

- Chất bột dạng nén màu trắng ngà của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có trọng lượng là 0,127g (Không phẩy một trăm hai bảy gam). Loại: Hêrôin.

- Viên nén màu hồng không rõ hình dạng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 0,071g (Không phẩy không trăm bảy mốt gam) loại: Methamphetamnie.

Theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTp ngày 24-12-2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp, hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVII "Các tội về ma túy" thì,

Tỷ lệ % về trọng lượng hêrôin so với mức tối thiểu đối với hêrôin quy định tại điểm h khoản 2 điều 194 BLHS là 19,8% (0,99gam so với 05 gam).

Tỷ lệ % về trọng lượng Methamphetamine so với mức tối thiểu đối với chất ma túy khác ở thể rắn quy định tại điểm m khoản 2 điều 194 BLHS là 0,355% (0,071gam so với 20 gam).

Như vậy, tổng tỷ lệ phần trăm về trọng lượng của cả 02 chất ma túy (hêrôin và Methamphetamine) mà bị cáo tàng trữ là 20,155% (Hai mươi phẩy một trăm năm mươi lăm phần trăm).

Cáo trạng số 04/CTr-VKS-MT ngày 19-12-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo Vàng A Chềnh về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, thực hiện nguyên tắc có lợi cho bị cáo nên áp dụng pháp luật hình sự theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội, khoản 3 điều 7 BLHS năm 2015 và áp dụng khung hình phạt quy định tại điểm i khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017 đối với bị cáo.

Tại phiên toà hôm nay: Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình và khai nhận biết rõ hành vi tàng trữ chất ma túy là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do bản thân bị nghiện nên đã tàng trữ ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Bị cáo Vàng A C theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Bị cáo Vàng A C phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 194; Điều 33; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 tương ứng với điều 38, điểm s điều 51; điểm i khoản 1 điều 249; Khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa 14:

Phạt Bị cáo Vàng A C từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

-Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma tuý thu giữ của bị cáo, vì đây là vật chứng vụ án và là

chất Nhà nước cấm lưu hành. Trả lại 01 chiếc xe máy cho bị cáo, vì đây không phải là công cụ, dụng cụ, phương tiện phạm tội.

Người bào chữa cho bị cáo đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt. Nhưng cho rằng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Ngoài ra, Bị cáo là người dân tộc thiểu số, lại sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, từ nhỏ không được đi học nên không biết chữ, dẫn đến hiểu biết pháp luật còn hạn chế, gia đình thuộc diện hộ nghèo, đông con và con đang còn nhỏ, vợ đang phải chấp hành hình phạt tù nên các con không có người chăm sóc đang phải gửi con cho bố mẹ vợ chăm sóc.

Nên đề nghị HĐXX cân nhắc, xem xét áp một số quy định có lợi cho người phạm tội theo BLHS năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20-6-2017; khoản 3 điều 7; điểm i khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015; điều 33 (Nay là điều 38 BLHS); điểm p khoản 1 điều 46 BLHS năm 1999 (Nay là điểm s khoản 1 điều 51 BLHS), khoản 1 điều 194 BLHS năm 1999 nhưng áp dụng khung hình phạt tại điểm i khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015 để đưa ra phán quyết cho bị cáo mức án phù hợp đủ sức răn đe, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội, trở thành công dân có ích và vẫn có tính phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa Bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý, không thay đổi, không bổ sung thêm gì, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một mức án thấp nhất có thể, để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội nuôi dạy con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án, đều đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Ngày 22-9-2017, bị cáo đã đi xe máy từ nhà mình lên bản Lốc Há để thăm người quen, khi quay về đến cầu G9 là địa bàn giáp gianh giữa Việt Nam và Lào, bị cáo đã mua của một người đàn ông dân tộc Mông, công dân Lào, không quen biết một lượng hêrôin với số tiền là 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) và 01 viên hồng phiến với số tiền là 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng), mục

đích đem về sử dụng cho bản thân, khi bị cáo về đến bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát thì thì bị cáo bị Công an huyện Mường Lát và Ban công an xã Trung Lý bắt quả tang, thu giữu toàn bộ ma túy đã mua được trước đó. Tổng trọng lượng số ma túy bị thu giữ là 0,99 (Không phẩy chín mươi chín gam) loại hêrôin và 0,071g (Không phẩy không trăm bảy mốt gam) loại Methamphetamnie.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTp ngày 24-12-2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp, hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVII "Các tội về ma túy" thì:

Tỷ lệ % về trọng lượng hêrôin so với mức tối thiểu đối với hêrôin quy định tại điểm h khoản 2 điều 194 BLHS là 19,8% (0,99gam so với 05 gam).

Tỷ lệ % về trọng lượng Methamphetamine so với mức tối thiểu đối với chất ma túy khác ở thể rắn quy định tại điểm m khoản 2 điều 194 BLHS là 0,355% (0,071gam so với 20 gam).

Tổng tỷ lệ phần trăm về trọng lượng của cả 02 chất ma túy (hêrôin và Methamphetamine) mà bị cáo tàng trữ là 20,155% (Hai mươi phẩy một trăm năm mươi lăm phần trăm).

Như vậy, với hành vi, tuổi chịu trách nhiệm hình sự, mục đích tàng trữ và trọng lượng ma túy thu giữ của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tội danh và mức hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (Nay là điểm i khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015 sửa đổi năm 2017) như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, bị cáo nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma tuý là vi phạm pháp luật nhưng đã bất chấp pháp luật cố tình thực hiện tội phạm, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma tuý của Nhà nước, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương, là mầm mống phát sinh các loại tội phạm khác, gây bức xúc trong xã hội, việc sử dụng ma túy ảnh hưởng tới sức khỏe, thiệt hại về kinh tế của cá nhân và gia đình, đồng thời là một nguyên nhân lây nhiễm căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Nhân thân: Ngày 04-12-2003 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 05 năm năm tù về tội 'Vận chuyển trái phép chất ma túy" khi chấp hành xong hình phạt trở về địa phương 2006 và thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm 06-10-2004, nên Bị cáo đương nhiên được xóa án tích theo điều 70 BLTTHS năm 2015, nên bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận tội, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (Nay là điểm s khoản 1 điều 51 BLHS năm 2015), được xem xét khi quyết định hình phạt;

[5] Về việc áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015: Thời điểm bị cáo phạm tội Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật, nhưng tại điểm b, Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14 quy định: "Các điều khoản của Bộ luật hình sự 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; quy định hình phạt nhẹ hơn,tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 00 giờ ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đối với ngọời đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích". Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: "Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật có hiệu lực thi hành". Căn cứ các quy định nêu trên, so sánh quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 thì thấy: Khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 quy định về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chấtma túy thì có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm; Khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 quy định về hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thì có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Như vậy khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 quy định có lợi hơn cho người phạm tội. Cần xem xét áp dụng quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 để quyết định hình phạt theo hướng có lợi cho bị cáo; Tuy nhiên cũng cần căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trọng lượng chất ma túy bị cáo tàng trữ để có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội nhằm trừng phạt, cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật, răn đe, phòng ngừa và thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tệ nạn ma tuý tại địa phương. Bị cáo là người nghiện ma túy nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt là phù hợp so với hành vi, lượng ma túy bị cáo đã tàng trữ và bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, vì vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo, từ bỏ ma túy trở thành người có ích cho gia đình và xã hội là cần thiết, nhằm răn đe và phòng ngừa những người có tư tưởng tương tự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm nương rẫy, gia đình không tài sản gì đáng giá, vợ đang phải chấp hành hình phạt tù, đông con, các con đang còn nhỏ lại không có bố mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Vật chứng trong vụ án:

Số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định là chất Nhà nước cấm lưu hành là vật chứng của vụ án, căn cứ điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình, cần tịch thu hiêu hủy.

01 chiếc xe máy HONDA WAVE anpha thu giữ của bị cáo, đây không phải là phương tiện, công cụ phạm tội, cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo có tội nên phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[9] Các nhận định khác: Đối với người đàn ông dân tộc Mông, công dân Lào đã bán ma túy cho bị cáo, thì Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát sẽ tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý ở vụ án khác.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 tương ứng với điểm i khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015 sửa đổi năm 2017); Điều 33 ; điểm p, khoản 1, điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 tương ứng với điều 38; điểm s khoản 1 điều 51 BLHS năm 2015 sửa đổi năm 2017).

- Khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa 14.

Tuyên bố: Bị cáo Vàng A C phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

Hình phạt chính: Xử phạt Bị cáo Vàng A C **18** (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (22-9-2017).

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Quyết định tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ gói niêm phong bên trong có 0,758gam cục bột dạng nén màu trắng ngà; 0,115 gam chất bột màu trắng ngà và 0,060 gam cục chất bột màu hồng là mẫu vật còn lại sau khi trích mẫu giám định. Tất cả được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Trần Thị Thúy Hằng, Nguyễn Văn Bằng và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa.

Trả lại cho bị cáo 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE anpha, biển kiểm soát 36B2-757.98, số khung BY544452, số máy HC12E-3334554, màu đen

trắng, xe đã qua sử dụng, xe đã hỏng giá phụ, không có cao su để chân bên trái, yên xe hỏng.

Các vật chứng kể trên hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20-12-2017 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục THA Dân sự huyện Mường Lát.

Về án phí: Áp dụng điều 135; khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Khoản 1, điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Buộc Bị cáo Vàng A Chểnh phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo và Kháng nghị: Áp dụng: Điều 331,Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Án xử công khai; có mặt bị cáo và người bào chữa cho bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Trung Lý, huyện Mường Lát;
- Bị cáo Vàng A C;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng